Tên: ……..

Lớp: S7…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

PET LISTENING INTENSIVE

A. THEORY

I. EXTRA VOCABULARY

- CLASSWORK

+ PET PART 3 (Fitness week)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**specialist** (adj)	chuyên biệt	4	**ensure** (v)	đảm bảo
2	**questionnaire** (n)	bảng câu hỏi	5	**assess** (v)	đánh giá
3	**individual** (adj)	riêng cho từng người / cá nhân	6	**personal trainer** (n)	huấn luyện viên cá nhân

+ PET PART 3 (The Oasis hotel)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**holidaymaker** (n)	khách du lịch	4	**harbour** (n)	bến cảng
2	**disappointment** (n)	sự thất vọng	5	**packed lunch** (n)	bữa trưa mang theo
3	**excursion** (n)	chuyến tham quan	6	**creche** (n)	nhà trẻ

- HOMEWORK

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**prompt** (adv)	đúng giờ, đúng thời điểm	3	**concession** (n)	vé ưu đãi / giảm giá
2	**demonstration** (n)	buổi trình diễn / buổi minh họa	4	**sensational** (adj)	xuất sắc, gây ấn tượng mạnh

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

II. METHOD

✅ **Step 1: Underline Keywords (Gạch chân từ khóa)**

Mục tiêu: Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

⚠️ **Step 2: Watch Out for Traps (Coi chừng bẫy)**

Mục tiêu: Tránh bị đánh lừa bởi từ giống nhau giữa bài nghe và đáp án, nhưng ngữ cảnh hoặc ý nghĩa lại không khớp.

🔍 **Ví dụ mẫu:**

What sport does the **girl want** to **try next week**?

A. Tennis

B. Basketball

C. Swimming

🎧 **Transcript:**

Boy: So, did you **enjoy** your **swimming class** yesterday?

Girl: Yeah, it was fun! But I've **been doing** that **every week** for **months**. I **want** to **try something different** now.

Boy: Like what?

Girl: I think **tennis** sounds **exciting**. I even bought a new racket!

🟡 **Phân tích:**

- Cả A. Tennis và C. Swimming đều được nhắc đến trong đoạn hội thoại.
- Tuy nhiên, câu hỏi là: "Môn thể thao nào cô bé muốn thử vào tuần sau?", không phải "Môn thể thao cô bé đã chơi".

LIVEWORKSHEETS

- Nếu con chỉ nghe thấy từ swimming và chọn ngay đáp án C là sai. Vì swimming là môn cô bé đã học trong thời gian qua, chứ không phải môn cô ấy muốn thử.
- Tennis là môn thể thao mới mà cô bé muốn thử trong tuần sau, thậm chí còn nói đã mua vợt mới → Đáp án đúng là A. Tennis.

🔮 **Step 3: Answer Prediction (Dự đoán đáp án trước khi nghe)**

Mục tiêu: Giúp người học đoán trước loại thông tin cần điền, từ đó nghe nhanh hơn, chính xác hơn.

1️⃣ **Nhìn vào chỗ trống** → Đoán **loại từ** cần điền.

2️⃣ **Quan sát từ trước và sau chỗ trống** → Dự đoán **chủ đề** hoặc **nội dung** cần điền:
- Có thể là *thời gian*, *địa điểm*, *người*, *hoạt động*, *giá tiền*, *con số*, *tính chất*, v.v.

3️⃣ **Tự hỏi nhanh:**
- "Thông tin này trong bài sẽ xuất hiện dưới dạng gì?"
- "Có thể bị paraphrase (viết lại) như thế nào?"

B. CLASSWORK

I. LISTENING 1

1. Pre-listening: Tick what you think you might hear about.

1. Look at the gaps. What type of information do you think you will hear?
   □ a number □ a piece of equipment □ a job □ a price
2. Which of these topics do you think the announcement will mention?
   □ sports activities □ personal trainers □ clothing and equipment
   □ discounts □ health problems
3. Which kinds of details are MOST likely to appear?
   □ times & schedules □ instructions □ warnings □ locations

(Học sinh có thể tick **nhiều hơn một ô**.)

2. Listening (6 questions):

Con làm bài nghe theo link/code sau:

https://drive.google.com/file/d/12BEjbATCLww_zbku5OoCivEMQMeQGJVa/view?usp=sharing

PART 3 **Questions 14-19**

*For each question, write the correct answer in the gap. Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.*

You will hear an announcement at a fitness centre.

Fitness week

Anyone who would like to become healthier and learn new things should **(14)** ..... for this course.

All new members must have with them trainers, a tracksuit, shorts and T-shirts as well as a(n) **(15)** ..... .

After answering some questions, specific targets will be set according to the members' **(16)** ..... .

Every morning a(n) **(17)** ..... will keep an eye on new members exercising.

At the end of the week, members will be told **(18)** ..... so as not to gain back the weight they've lost.

For the next 48 hours, there's a sale on: you can pay £ **(19)** ..... for 7 days.

LIVEWORKSHEETS

II. LISTENING 2

1. Pre-listening: Context Questions.

1. Where do you think the speaker is talking?

□ hotel □ airport □ travel office

2. Who is the speaker talking to?

□ new hotel guests □ hotel staff □ tourists outside

3. What is the purpose of the talk?

□ to explain rules □ to welcome and inform guests □ to sell a tour

2. Listening (6 questions):

Con làm bài nghe theo link/code sau:

https://drive.google.com/file/d/1JezALLIFpMgaZ91rjBMrQaJz2CPxMm-L/view?usp=sharing

PART 3 Questions 14-19

*For each question, write the correct answer in the gap. Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.*

You will hear a holiday rep welcoming a new group of guests to a hotel.

The Oasis Hotel

Holiday Representative:	available in his **(14)** ..... between 10 and 11 am, or between 6 and 7 pm.
Price:	everything included except **(15)** ..... .
Participants:	anyone, but not children under the age of **(16)** ..... .
Creche and toddler group:	Opening hours: 7.30 am to **(17)** ..... am.
Yoga classes:	Cost: £ **(18)** ..... an hour.
(19) ..... **class:**	in the pool on Sunday at 10 o'clock.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (19 questions)

I. Choose the correct answers.

0. This jacket is _____, so you can wear it in the rain.

A. skydiving *B. waterproof* *C. province* *D. fragrance*

1. When you hike in the forest, you may need to _____ water before drinking it.
   A. filter B. wetsuit C. parachute jump D. urge
2. The baby penguin is _____, so it cannot fly.
   A. vivid B. flightless C. vitality D. identify
3. Many tourists visit this place because the _____ is beautiful.
   A. landscape B. snort C. navigate D. release
4. Firefighters tried to _____ the fire that was coming from the building.
   A. bridge the gap B. investigate C. fragrance D. inhabit
5. He felt full of _____ after the long holiday and was ready to work again.
   A. province B. coral reef C. wetsuit D. vitality

II. Fill in the blanks with the correct words/phrases in the box. Use each word only ONCE. Some words may not be used.

~~kayaking~~	flightless	first-aid kit	state of mind
steadily	fragrance	wetsuit	coral reef

Anna: Hey Ben, are you excited about the adventure trip next month? I signed up for *(0)* ***kayaking*** because I've always wanted to try it.

Ben: Nice! I'm joining too. The teacher told us we must bring a (1) _____ in case anyone gets hurt.

Anna: Yeah, safety first. By the way, the guide said we'd get to see a huge (2) _____ on the second day.

Ben: Really? That sounds amazing! I heard the colours are so bright and the water even has a light natural (3) _____ from the plants there.

Anna: Oh, and don't forget a (4) _____. The water is colder than it looks.

Ben: Good idea. I hope everyone stays in a positive (5) _____ during the trip; some students get nervous before outdoor activities.

III. Put the verb below in the correct form of PRESENT SIMPLE or PRESENT CONTINUOUS.

0. Listen! The wind ***is getting*** ***(get)*** *stronger.*

1. My cousins usually _____ **(travel)** abroad every summer, but this year they _____ **(stay)** in their province to save money.
2. At the moment, Liam _____ **(practise)** for his skydiving course. He normally _____ **(avoid)** extreme sports.
3. Sarah _____ **(work)** as a tour guide, but today she _____ **(help)** a group of students with a kayaking lesson.
4. Look! The birds _____ **(fly)** over the coral reef, but they _____ **(not/usually/inhabit)** this area during the winter.
5. My teacher always _____ **(explain)** grammar very clearly, and right now she _____ **(show)** us how to use comparative adverbs.

LIVEWORKSHEETS

IV. Read the text about Liam's weekend, then answer the questions in FULL SENTENCES.

Last weekend, Liam joined an outdoor club activity in a nearby province. The group's goal was to bridge the gap between students from different schools by letting them try adventure sports together. When Liam arrived, he met his teammates and received a waterproof backpack containing a first-aid kit and other safety tools.

During the morning, the group learned how to navigate the forest trails. Their instructor also reminded them to respect the environment and protect the coral reef near the lake, which many rare animals inhabit. Later, Liam took part in kayaking, which he enjoyed a lot. The bright colours of the water and trees created a very vivid scene.

In the afternoon, some students chose bungee jumping, while others picked a calmer activity. Liam was encouraged to join a short parachute jump, but he wasn't in the right state of mind, so he decided not to. Instead, he helped the younger students feel more confident. By the end of the day, Liam said he was in the highest of spirits, and he promised to return for another trip.

Questions:

0. Where did Liam join the outdoor activity last weekend?

→ ***Liam joined the outdoor activity in a nearby province***.

1. What items did Liam receive when he arrived?

→ _____.

2. Why didn't Liam join the parachute jump?

→ _____.

3. How did Liam feel at the end of the day?

→ _____.

Extra question: Would you like to try an adventure sport one day? Why or why not?

→ _____.

Lưu ý:

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (12 questions)

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link/code sau:

https://drive.google.com/file/d/1a_wy-7PpzeP18Itqcpn9umRCRiw752TH/view?usp=sharing

PART 3 Questions 14-19

*For each question, write the correct answer in the gap. Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.*

You will hear a woman talking about an art holiday.

Spanish Art Holidays

From 8 to 9, breakfast will be served on the patio; it's a(n) **(14)** ..... buffet-style breakfast.

At **(15)** ..... the group will leave the hotel for its painting destination.

Once there, the teacher will show her students how to paint a **(16)** ..... .

Different **(17)** ..... will be used, including charcoal and acrylic paint.

A picnic lunch will follow; everyone should get their own from **(18)** ..... before leaving the hotel.

Then a(n) **(19)** ..... meeting will follow to discuss the day's work.

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://drive.google.com/file/d/1m6nghbHZFUNKDwlYWaU_i0xZcK7eiMjb/view?usp=sharing

PART 3 Questions 14-19

*For each question, write the correct answer in the gap. Write **one** or **two words** or a **number** or a **date** or a **time**.*

You will hear a radio announcement about a competition.

Win a 'dream night' at the theatre

Running times:	from Monday, June 18th to Saturday **(14)** ..... .
Prize:	**(15)** ..... pairs of tickets.
Bonus:	chance to talk to **(16)** ..... in person.
Saturdays:	three **(17)** ....., at 2, 5 and 8pm.
Ticket prices:	from £11.00 to £ **(18)** ..... .
Bookings:	by phone or **(19)** ..... .

LIVEWORKSHEETS